

UBND XÃ NÀ HỖ
TRƯỜNG PTDTBT TH NÀ HỖ

BẢNG XUẤT KHO THỰC PHẨM VÀ CÔNG KHAI THỰC ĐƠN ĂN CHO HỌC SINH BÁN TRÚ

Thứ năm, ngày 04 tháng 09 năm 2025

TS HS toàn trường			HS bán trú				Định mức tiền ăn/ngày/HS	Số tiền thực chi	Số tiền chưa chi (HS nghỉ có lý do)	Ghi chú
TS	Có mặt	Vắng	TS HS bán trú	Có mặt	Vắng mặt					
					Có lý do	Không có lý do				
			396	396	-	-	45.000	17.820.000	268.487	

Stt	Nấu ăn (suất)	Bữa ăn	Tên thực phẩm	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Người xuất kho (Thủ kho)	Người nhận thực phẩm (NV nuôi dưỡng)	Bộ phận giám sát	Ghi chú (tên món ăn)
1	396	Sáng (Giờ ăn:)	Gạo	Kg	39,6						
2			Thịt lợn xay	Kg	22,6	140.000	3.160.000				
3											
Cộng sáng							3.160.000				
1	396	Trưa (Giờ ăn:)	Gạo	Kg	79,2						
2			Thịt lợn kho tàu	Kg	32,4	140.000	4.542.500				
3			Trứng gà rán (xào, luộc)	Quả	395	4.500	1.777.500				
4			Bí đỏ (su su) xào; canh bí đỏ (su su)	Kg	31,2	15.000	467.763				
Cộng trưa							6.787.763				
1	396	Tối (Giờ ăn:)	Gạo	Kg	79,2						
2			Thịt lợn rán	Kg	45,4	140.000	6.359.500				
3			Rau cải xào, canh rau cải	Kg	32,9	15.000	493.750				
7			Hoa quả tráng miệng	Kg	39,5	19.000	750.500				
Cộng tối							7.603.750				
Tổng cả ngày							17.551.513				

Người lập (Kế toán)

Chữ ký

Vũ A Lê

Xác nhận của nhà trường



Mai Xuân Kiên